

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 1219/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 29-12-2017

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Các Thẩm phán:

Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt

Bà Đặng Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Tây - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Duy Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 123/2017/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc: “Ly hôn”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1928/2017/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3011/2017/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Vĩnh P, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Quang M - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1960 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

* Nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh P trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N. Quá trình chung sống có hai con chung tên Nguyễn Minh T, sinh năm 1987 và Nguyễn Minh K, sinh năm 1991.

Năm 2007 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã có ý định ly hôn. Nay mâu thuẫn kéo dài nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh H, tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:**

Bà có bệnh nặng từ năm 2006. Bà không đồng ý ly hôn vì ông P nộp đơn mà không giải thích lý do. Vì không đồng ý ly hôn nên bà chưa có yêu cầu gì về tài sản chung.

Tại Bản án sơ thẩm số 1928/2017/HNGĐ-ST ngày 08/9/2017, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 63, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Luật Thi hành án dân sự, tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Vĩnh P về việc yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh H.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 12/9/2017, ông Nguyễn Vĩnh P nộp đơn kháng cáo bản án.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh H với lý do vợ chồng không còn tình cảm, bà H quản lý kinh tế gia đình có thái độ thiếu tế nhị, không tôn trọng ông.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Cuộc sống vợ chồng của ông Nguyễn Vĩnh P và bà Nguyễn Thị Thanh H từ lâu đã không còn hạnh phúc mà nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H không tôn trọng ông P về vấn đề tiền bạc. Bản án sơ thẩm cho là địa phương chưa giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nên không có căn cứ cho ly hôn là không đúng vì pháp luật không quy định về vấn đề này. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Vĩnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự và người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Hồ sơ vụ án thể hiện ông Nguyễn Vĩnh P và bà Nguyễn Thị Thanh H có bất đồng quan điểm nhưng vợ chồng vẫn sống chung một nhà. Ý kiến ông P cho rằng bà H quản lý kinh tế không tôn trọng ông, xét lời trình bày này không có căn cứ chứng minh và hơn nữa bà H đang bị bệnh nan y, vợ chồng cần có

sự quan tâm, chia sẻ mới tạo dựng được hạnh phúc gia đình. Do đó, kháng cáo của ông P yêu cầu ly hôn là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Vĩnh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về nội dung: Căn cứ Giấy Công nhận kết hôn số 400 ngày 30/10/1985 của Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Vĩnh P và bà Nguyễn Thị Thanh H là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống có hai con chung tên Nguyễn Minh T, sinh năm 1987 và Nguyễn Minh K, sinh năm 1991 đều đã trưởng thành.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Vĩnh P yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh H, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Sau khi kết hôn, ông P và bà H chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng chỉ xảy ra trong những năm gần đây xuất phát từ vấn đề quản lý kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng không được hạnh phúc như trước. Ông P cho là bà H không tôn trọng ông, tuy nhiên, cũng chưa có căn cứ cho thấy thật sự cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn. Hội đồng xét xử thấy rằng năm 2011 ông P từng có ý định nộp đơn ly hôn nhưng sau đó không nộp, và qua xác nhận của địa phương (BL 24), ông P và bà H vẫn đang chung sống cùng một địa chỉ. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng không thể kéo dài cuộc sống chung.

Xét hiện nay bà H đang mang bệnh nặng cần sự cảm thông, chia sẻ từ ông P, nghĩ cần tạo cơ hội cho bà H có điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Vĩnh P. Vì vậy nghĩ cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình ;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Vĩnh P.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 1928/2017/HNGĐ-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân quận C.

Những nội dung khác của phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Vĩnh P phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002875 ngày 12/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C. Ông Nguyễn Vĩnh P đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TPHCM;
- Tòa án nhân dân Q.C;
- Chi cục THADS Q.C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Uyên